TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2022.
V/v ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải.

Bà Nguyễn Thị Phương Thúy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương Giang– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Khuông Mạnh T, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký HKTT: B, K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký HKTT: B, K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Kozudai, Kita-Ku, Kobe Hyogo 6-36-12-201, Nhật Bản (Vắng mặt)

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N.A, Luật sư thuộc Công Ty luật trách nhiệm hữu hạn K và C, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn anh Khuông Mạnh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị Th kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam và có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tại B, K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 2017 chị Th đi lao động xuất khẩu ở Nhật Bản. Từ khi đi đến nay tình cảm vợ chồng dần nhạt phai, cả hai không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân này được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Khuông Thị Minh Th1, sinh ngày 24/4/2015. Hiện cháu Th1 đang ở cùng anh T. Khi ly hôn anh có nguyện

vọng được nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trả lời quan điểm giải quyết vụ án ly hôn của bị đơn chị Đỗ Thị Th gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Chị Th xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân phù hợp với lời khai của anh Khuông Mạnh T. Về quan hệ hôn nhân chị xác định vợ chồng do khoảng cách địa lý và thời gian dài xa cách nên đã không còn tình cảm. Việc anh T xin ly hôn, chị hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung như anh T đã khai là đúng. Hiện nay do chị đang lao động tại Nhật Bản nên chị đồng ý giao cháu Khuông Thị Minh Th1 cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Hiện nay, do chị đang ở nước ngoài không về Việt Nam được nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Khuông Mạnh T về việc ly hôn chị Đỗ Thị Th. Về con chung giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khuông Thị Minh Th1, sinh ngày 24/4/2015. Chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Tài sản chung, nợ chung hai bên đều không đề nghị. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp. Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Công văn số 4456/CAT(PA01/XNC) ngày 16/5/2022 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định Đỗ Thị Th có thông xin xuất cảnh ngày 30/7/2017 qua cửa khẩu nội bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn hiện đang lao động xuất khẩu ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn đã nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án và đã có đơn đề nghị gửi Tòa án, thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vắng xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Khuông Mạnh T và chị Đỗ Thị Th trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Từ đầu năm 2017 do chị Th đi lao động xuất khẩu nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, quan điểm sống vợ chồng không đồng nhất. Chị Th hiện đi lao động xuất khẩu ở Nhật Bản. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th. Chị Th cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh T xin ly hôn chị Th hoàn toàn nhất trí.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị Th đã trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Anh T xin ly hôn, chị Th nhất trí. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị Th là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Anh T và chị Th có 01 con chung là Khuông Thị Minh Th1, sinh ngày 24/4/2015. Khi ly hôn anh T và chị Th đều nhất trí giao cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Th tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Th1 3.000.000 đồng/tháng, không trái quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị Th có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh T xác định không có, phía chị Th không có lời khai bằng văn bản nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[5] Án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng theo quy định.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28 ;Điều 37;Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Khuông Mạnh T đối với chị Đỗ Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Khuông Mạnh T được ly hôn với chị Đỗ Thị Th.

2. Về con chung: Giao con chung Khuông Thị Minh Th1, sinh ngày 24/4/2015 cho anh Khuông Mạnh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Th có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Khuông Thị Minh Th1, sinh ngày 24/4/2015 cho anh Khuông Mạnh T là 3.000.000 đồng/tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chưa giải quyết.

4. Án phí: Anh Khuông Mạnh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000099 ngày 22/4/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, chị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- CụcTHADS tỉnh;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hồng Phương